

Phụ lục I-c

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSTW NĂM 2021 (VỐN TRONG NƯỚC) - DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo văn bản số: /BNN-KH ngày / / của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm kho bạc	Quyết định phê duyệt đề cương dự toán giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi			Kế hoạch năm 2021 (vốn NSTW)			Ghi chú
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Dự toán chuẩn bị đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW	Đã giao	Điều chỉnh	Tr đó: tăng/giảm	
	TỔNG SỐ				210.161	210.161	2.000	60.500	58.500	
A	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				210.161	210.161	2.000	60.500	58.500	
I	Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				199.374	199.374	2.000	55.500	53.500	
I.1	Thủy lợi				159.839	159.839	2.000	44.100	42.100	
1	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng; vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu	7.859.524	Hà Nội	3943/QĐ-BNN-TCTL ngày 05/10/21	5.897	5.897		3.000	3.000	TT BC ĐXCĐT và BCNCKT
2	Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản	7.853.429	Sơn La	49/QĐ-DANN ngày 02/10/2021	2.436	2.436		900	900	
3	Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng	7.856.961	Cao Bằng	650/QĐ-SNN ngày 11/10/2021	7.480	7.480		2.000	2.000	
4	Sửa chữa Nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống							2.500	2.500	
	<i>Ban QLĐT&XD TL 2</i>	<i>7.854.151</i>	<i>Hải Dương</i>					<i>338</i>	<i>338</i>	
	<i>Công ty TNHH MTV KCTTL Nam Sông Thương</i>		<i>Bắc Giang</i>	<i>297/QĐ-NST ngày 06/10/2021</i>	<i>7.474</i>	<i>7.474</i>		<i>2.162</i>	<i>2.162</i>	
5	Nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Hệ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		Thái Bình	147/QĐ-BQLDANN ngày 30/9/2021; 152/QĐ-BQLDANN ngày 11/10/2021	3.502	3.502		1.500	1.500	
6	SCNC hệ thống thủy lợi Đa Độ và An Kim Hải	7.919.295	Hải Phòng	48/QĐ-QLDA ngày 20/9/2021	7.105	7.105		2.500	2.500	
7	Hoàn thiện hệ thống công trình cống Nam Đàn	7.921.549	Nghệ An	131/QĐ.CTN ngày 30/9/2021	4.976	4.976		1.500	1.500	
8	HTTL Tân An - Đập Đá	7.866.754	Bình Định	475/QĐ-BQL ngày 08/9/2021; 510/QĐ-BQL ngày 30/9/2021	4.191	4.191		1.500	1.500	
9	Hệ thống kênh mương hồ EaHleo 1	7.872.051	Đắk Lắk	553/QĐ-BQLDAGTNN ngày 16/9/2021	6.883	6.883		2.000	2.000	
10	Hệ thống kênh mương hồ Nam Xuân	7.862.394	Đắk Nông	190/QĐ-BQL, ngày 13/09/2021	886	886		300	300	
11	Sửa chữa Nâng cấp hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng	7.867.126	Tây Ninh	01/QĐ-TLDTPH-DT ngày 01/10/2021	4.071	4.071		1.000	1.000	
12	Sửa chữa hồ chứa nước Tha La	7.917.526	Tây Ninh	1643/QĐ-BQLNN ngày 16/9/2021	3.028	3.028		800	800	
13	Cụm hồ tỉnh Bình Phước	7.858.733	Bình Phước	695/QĐ-BQLDA ngày 06/10/2021	3.208	3.208	2.000	3.000	1.000	
14	Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	7.855.637	Cần Thơ	36/QĐ-BQL10-TĐ ngày 26/8/2021	8.124	8.124		2.000	2.000	
15	Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	7.917.018	Hậu Giang	221/QĐ-BQLDA ngày 10/9/2021	6.639	6.639		1.500	1.500	
16	Kè chống sạt lở bờ sông Cỏ Chiên khu vực xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang	7.909.617	Trà Vinh	158/QĐ-BQL ngày 13/9/2021	3.146	3.146		1.000	1.000	
17	Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển khu vực ĐBSCL	7.909.866	Cần Thơ	35/QĐ-BQL10-TĐ ngày 26/8/2021	12.353	12.353		3.000	3.000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm kho bạc	Quyết định phê duyệt đề cương dự toán giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi			Kế hoạch năm 2021 (vốn NSTW)			Ghi chú
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Dự toán chuẩn bị đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW	Đã giao	Điều chỉnh	Tr đó: tăng/giảm	
18	Cụm hồ Bán Phú, Nậm Là	7.856.139	Điện Biên	795/QĐ-BQLDA ngày 11/10/2021	16.891	16.891		1.200	1.200	Thanh toán BCĐXCTĐT
19	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Hưng Hải GĐ2	7.865.851	Hải Dương	3815/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/9/2021	9.514	9.514		3.000	3.000	
20	Hồ Đắc Gang	7.863.340	Đắk Nông	243/QĐ-BQL ngày 08/10/2021	13.767	13.767		3.000	3.000	
21	Cụm Hồ Đắc Rô Gia - IaTul	7.909.328	Kon Tum	158/QĐ-BQL ngày 11/10/2021	15.985	15.985		1.400	1.400	Thanh toán BCĐXCTĐT
22	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu	7.899.785	Cần Thơ	39/QĐ-BQL10-TĐ ngày 27/8/2021	6.786	6.786		2.000	2.000	
23	Công trình thủy lợi vùng Nam Măng Thít	7.855.658	Cần Thơ	41/QĐ-BQL10-TĐ ngày 30/8/2021	7.070	7.070		2.000	2.000	
24	Nâng cấp cải tạo kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên	7.855.655	Cần Thơ	33/QĐ-BQL10-TĐ ngày 25/8/2021	5.901	5.901		1.500	1.500	
I.2	Lâm nghiệp				2.798	2.798		750	750	
1	Trồng, bảo vệ và phát triển rừng	7.921.243	Nam Từ Liêm, Hà Nội	3998/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/10/2021	2.798	2.798		750	750	
I.3	Thủy sản				26.790	26.790		5.900	5.900	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2)	7.910.647	Bình Thuận	526/QĐ-BQLDA 05/10/2021	2.022	2.022		500	500	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du		Kiên Giang	985/QĐ-SNNPTNT ngày 7/10/2021	3406	3406		1.000	1.000	
3	Khu neo đậu tránh trú bão Đầm Đề Gi	7.909.068	Bình Định	514/QĐ-BQL ngày 01/10/2021; 518/QĐ-BQL ngày 08/10/2021	2.888	2.888		1.000	1.000	
4	Khu neo đậu tránh trú bão Sông Tắc kết hợp Cảng cá Hòn Rở	7.862.198	Khánh Hòa	531/QĐ-SNN 8/10/2021	4.827	4.827		600	600	
5	Hạ tầng vùng Nuôi trồng thủy sản tập trung hạ lưu sông Bàn Thạch	7.920.979	Phú Yên	393/QĐ-BQL 26/8/2021	7.903	7.903		1.000	1.000	
6	Hạ tầng vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao huyện Ba Tri	7.913.680	Bến Tre	256/QĐ-BQLNN 7/10/2021	1.860	1.860		800	800	
7	Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản các xã Dân Thành, Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải	7.909.618	Trà Vinh	191/QĐ-BQL ngày 07/10/2021	3.884	3.884		1.000	1.000	
I.4	Dự án giống				2.154	2.154		1.200	1.200	
	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp	7.913.002	Nam Từ Liêm, Hà Nội	3891/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/9/2021	2.154	2.154		1.200	1.200	
I.5	Các dự án khác				1.698	1.698		1.550	1.550	
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng		SGD KBNNTW	265, 27/9/2021	759	759		750	750	
2	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bảo vệ và kiểm dịch thực vật		Đồng Đa, Hà Nội	1794 và 1795, 07/10/2021	939	939		800	800	
I.6	Hạ tầng sản xuất muối				6.095	6.095		2.000	2.000	
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021-2025	7.921.777	Hà Nội	963/QĐ-DANN-QLTV&XDDA ngày 21/9/2021	6.095	6.095		2.000	2.000	
II	Hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã				10.786	10.786		5.000	5.000	
1	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ HTX phát triển vùng nguyên liệu	7.921.775	Hà Nội	3567/QĐ-BNN-XD ngày 13/8/2021	10.786	10.786		5.000	5.000	